

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa phục vụ giảng dạy và nghiên cứu cho Khoa Hóa học năm học 2025-2026, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
 - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
 - Nhận qua Email: ctkoanh@hcmus.edu.vn/Zalo: 0946855575 - Cao Thị Kiều Oanh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo **đến hết ngày 04 tháng 10 năm 2025.**
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 120 ngày, **kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2025.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng **120 ngày** (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
- Điều khoản thương mại:
 - Tạm ứng: không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
 - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Điều khoản giao hàng/bảo hành/khắc phục sửa chữa:
 - Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương thức giao hàng: Bàn giao hàng hóa, kiểm tra thông số, số lượng và hướng dẫn sử dụng (nếu có).
- Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thay thế nguyên vật liệu bị hỏng do điều kiện bảo quản của nhà cung cấp: nứt, bể, vỡ trong quá trình vận chuyển... nhanh nhất (trong vòng 24 giờ) trừ trường hợp bất khả kháng (công văn yêu cầu xác nhận thực tế).

5. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
- Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
1	Muối Natri clorua tinh khiết Sodium chloride 500g		TQ					Chai/ 500g	10	1.HK1-PHY00081
2	Bút Đo Nhiệt Độ Checktemp HI98501	HI98501	Hana					Cái	2	1.HK1-PHY00081
3	Nhiệt kế điện tử HANNA HI98509	HI98509	Hana					Cái	1	1.HK1-PHY00081
4	Bình tia nước 500 ml	WGF336P	Azlon					Cái	10	1.HK1-PHY00081
5	Bút bi Thiên Long (Màu xanh)	TL027- X	Thiên Long					Cây	20	1.HK1-PHY00081
6	Bút bi Thiên Long (Màu đỏ)	TL027- Đ	Thiên Long					Cây	20	1.HK1-PHY00081
7	Bút Bi Gel 0.5Mm (Màu đỏ)	TL0.5	Thiên Long					Cây	20	1.HK1-PHY00081
8	Bút dạ kính TL-PM04 (Màu xanh)	PM04	Thiên Long					Cây	10	1.HK1-PHY00081
9	Bút Dạ Quang - Thiên Long HL-03 - Màu Vàng	HL-03	Thiên Long					Cây	10	1.HK1-PHY00081
10	Bút lông băng (màu xanh)	LX	VN					Cây	20	1.HK1-PHY00081
11	Bút lông băng (màu đen)	LĐ	VN					Cây	10	1.HK1-PHY00081
12	Bút lông dầu (màu xanh)	LDX	VN					Cây	10	1.HK1-PHY00081
13	Thước cặp điện tử dải đo 0-150mm Mitutoyo 500-181-30	500-181-30	Nhật Bản					Cái	4	1.HK1-PHY00081
14	Khăn giấy lụa Finest (kích thước 200 x 190 mm)							Hộp	1	1.HK1-PHY00081
15	Monome MMA (methylmeta acrylat) for synthesis, CAS number 80-62-6	8005901000	Aldrich sigma					Chai 500mL	2	2.HK1-CHT10008
16	Acrylonitrile, ≥99%, contains 35-45 ppm monomethyl ether hydroquinone as inhibitor, CAS number 107-13-1	110213	Aldrich sigma					Chai 500mL	1	2.HK1-CHT10008
17	1-Bromobutane, ReagentPlus®, 99%, CAS number ,109-65-9	8016020100	Aldrich sigma					Chai 100mL	2	2.HK1-CHT10008
18	Tetramethylammoniu m Chloride (CAS 75-57-0)	T19526	Aldrich sigma					Chai 100g	2	2.HK1-CHT10008
19	Epoxy Công nghiệp							Kg	20	2.HK1-CHT10008
20	H3PO4	7664-38-2	Xi Long					chai 500ml	1	2.HK1-CHT10008
21	Ure	57-13-6	Xi Long					chai 500 g	2	2.HK1-CHT10008
22	Tetrahydrofuran (THF)	T4254	Fisher					4 lít / chai	2	2.HK1-CHT10008

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
23	Pentaerythritol	6508-1405	DAEJUNG					500 g/ chai	2	2.HK1-CHT10008
24	Pyridine	P/7960/15	Fisher					1 lít/ chai	1	2.HK1-CHT10008
25	AgNO ₃ 99,8%	7761-88-8	Xilong - TQ					Chai 100g	3	2.HK1-CHT10008
26	H ₃ PO ₄	7664-38-2	Xilong TQ					chai 500ml	5	3.HK1-CHT10013
27	H ₂ SO ₄	7664-93-9	Xilong TQ					chai 500ml	5	3.HK1-CHT10013
28	HCl	7647-01-0	Xilong TQ					chai 500ml	5	3.HK1-CHT10013
29	NH ₃	1336-21-6	Xilong TQ					chai 500ml	5	3.HK1-CHT10013
30	H ₂ O ₂	7722-84-1	Xi Long					Chai 500 ml	5	3.HK1-CHT10013
31	KCl		TQ					chai 500g	1	3.HK1-CHT10013
32	AgNO ₃	7761-88-8	TQ					100g/ch	3	3.HK1-CHT10013
33	CH ₃ COONa	127-09-3	Xi Long					Chai 500g	10	3.HK1-CHT10013
34	1,10-phenanthroline	121.433.010	TQ					C/5g	15	3.HK1-CHT10013
35	Muối biển		VN					Bịch 1kg	10	3.HK1-CHT10013
36	Ống nhỏ giọt nhựa 3ml		Flmedical/Italy					H/500c	2	3.HK1-CHT10013
37	Pipet vạch 5 mL	021.01.005	IsoLab					cái	10	3.HK1-CHT10013
38	Pipet vạch 10 mL	021.01.010	IsoLab					cái	10	3.HK1-CHT10013
39	Pasteur pipet thủy tinh 150mm Hirschman	9250101	Đức					hộp/250c	1	3.HK1-CHT10013
40	Nước rửa chén		VN					Chai 400g	10	3.HK1-CHT10013
41	Băng keo trong		VN					cuộn	5	3.HK1-CHT10013
42	Kéo		VN					cái	10	3.HK1-CHT10013
43	HCl	7647-01-0	Xi Long					Chai 500ml	10	5.HK1-CHT10031
44	H ₂ SO ₄	7664-93-9	Xi Long					Chai 500ml	10	5.HK1-CHT10031
45	HNO ₃	114003528	GHTECH					Chai 500ml	10	5.HK1-CHT10031
46	H ₃ PO ₄	7664-38-2	Xi Long					Chai 500ml	5	5.HK1-CHT10031
47	CH ₃ COONa	127-09-3	Xi Long					Chai 500g	5	5.HK1-CHT10031
48	NaOH	101394058	GHTECH					Chai 500g	5	5.HK1-CHT10031
49	FeSO ₄ (FeSO ₄ .7H ₂ O)	7782-63-0	Xi Long					Chai 500g	1	5.HK1-CHT10031
50	CuSO ₄	1.09025.016	GHTECH					Chai 500g	1	5.HK1-CHT10031
51	Na ₂ B ₄ O ₇		GHTECH					Chai 500g	2	5.HK1-CHT10031

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
52	Ethanol	1.17113.323	GHTECH					Chai 500ml	5	5.HK1-CHT10031
53	1,10 phenanthroline	121.433.010	GHTECH					Chai 5g	5	5.HK1-CHT10031
54	hydroxylamine (Hydroxylamine HCl)	NH2OH.HCl	GHTECH					Chai 100g	5	5.HK1-CHT10031
55	Bếp hồng ngoại	SHD 6005	Sunhouse					Cái	2	5.HK1-CHT10031
56	Bút Đo pH Checker Plus HI98100	HI98100	Hanna					Cái	4	6.HK1-CHT10039
57	2-Naphthol	GRM1292	Himedia					Chai/500 g	5	6.HK1-CHT10039
58	Acetophenone	GRM3107	Himedia					Chai/500 ml	3	6.HK1-CHT10039
59	Acetic anhydride	A/0480/PB17	Fisher					c/ 2.5L	1	6.HK1-CHT10039
60	Bình cầu 1 cổ đáy tròn chịu nhiệt 100 ml, nhám 14/23	BLS.1209.09	TQ					Cái	13	6.HK1-CHT10039
61	Máy đo pH để bàn	BP3001	Trans Instruments					Cái	1	7.HK1-CHT10052
62	Ethanol		Chemsol					Chai 1L	10	8.HK2-CHT10012
63	Thìa núc hoá chất Micro 180 mm	047.06.180	Isolab					Cái	1	9.HK2-CHT10010
64	Thìa núc hoá chất Macro spoon 210mm	047.01.210	Isolab					Cái	1	9.HK2-CHT10010
65	Dichloromethane (CH2Cl2)		Chemsol					Chai 500 ml	1	9.HK2-CHT10010
66	Parafin lỏng	8042-47-5	Xi Long					Chai 500ml	1	9.HK2-CHT10010
67	Găng tay bảo hộ sợi len độ bám tốt T106, Loại 40g		Việt Nam					Đôi	1	9.HK2-CHT10010
68	Na acetate khan	127-09-3	Xi Long					Chai 500g	1	9.HK2-CHT10010
69	3-Picoline = 3-Methylpyridine	OR1003322	Apolo					Chai 25 g	1	10.HK2-CHT10102
70	3-Methylquinoline	OR911987	Apolo					Chai 25 g	1	10.HK2-CHT10102
71	4-Methylquinoline	169770250	Acros					Chai 25 g	1	10.HK2-CHT10102
72	Hydroxylamine HCl		Trung Quốc					Chai/100 g	4	10.HK2-CHT10102
73	Màng lọc cellulose acetate 0.45 µm HPLC47mm 11106--47		Sartorius					hộp /100tờ	1	11.HK2-CHT10108
74	Parafilm 4x125	PM996	Mỹ					cuộn	2	11.HK2-CHT10108
75	Bình định mức 25 mL		Isolab					cái	14	11.HK2-CHT10108
76	Dụng cụ khuấy từ gia nhiệt	MS-H280-Pro	Trung Quốc					Cái	3	13.HK2-CHT10205
77	Ethanol absolute	64-17-5	Xi Long					Chai 500ml	12	13.HK2-CHT10205
78	KOH	1.01763.028	GHTECH					chai 500 gam	5	14.HK2-CHT10301
79	HCl		TQ					chai 500 ml	2	14.HK2-

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
										CHT10301
80	FeSO ₄ .7H ₂ O		TQ					chai 500 gam	1	14.HK2-CHT10301
81	Amoni molybdat (PA) (NH ₄) ₆ Mo ₇ O ₂₄ .4H ₂ O		TQ					Chai 500 gam	1	14.HK2-CHT10301
82	KH ₂ PO ₄		TQ					Chai 500 gam	1	14.HK2-CHT10301
83	AlCl ₃ .6H ₂ O	7784-13-6	Xi long					Chai 500 gam	2	14.HK2-CHT10301
84	ZnSO ₄ 7H ₂ O	7446-20-0	Xi Long					Chai 500 gam	2	14.HK2-CHT10301
85	NaHCO ₃	144-55-8	Xi Long					Chai 500 gam	2	14.HK2-CHT10301
86	Na ₂ CO ₃	497-19-8	Xi Long					Chai 500 gam	2	14.HK2-CHT10301
87	Bình Định mức 50 ml	013.01.051	Isolab					Cái	2	14.HK2-CHT10301
88	Bình tam giác có vòi 250 mL	212013602	Schott					cái	2	14.HK2-CHT10301
89	Giấy lọc định tính số 101 chảy nhanh f 110	101-110	Trung Quốc					Hộp	6	14.HK2-CHT10301
90	Becher 100 ml đường kính 5.7 cm , chiều cao 7.2 cm		Schott Duran					Cái	5	14.HK2-CHT10301
91	Becher 250 ml đường kính 7.5 cm, chiều cao 9.5 cm		Schott Duran					Cái	5	14.HK2-CHT10301
92	Khăn lau		Việt Nam					Kg	5	14.HK2-CHT10301
93	Găng tay y tế		Việt Nam					Hộp	5	14.HK2-CHT10301
94	Nhiệt kế điện tử HANNA HI98509	HI98509	Hanna-Ý					cái	1	15.HK2-CHT10303
95	1-METHYL-2-PYRROLIDINONE	443778	Sigma-Mỹ					chai/500mL	1	15.HK2-CHT10303
96	Bút Đo pH Checker Plus HI98100	HI98100	Hanna-Ý					cái	1	15.HK2-CHT10303
97	Micropipet hấp tiệt trùng 1kênh 1000-10.000ul	LHP2-V1000	Phoenix-Đức					cái	2	15.HK2-CHT10303
98	NH ₄ Cl	12125-02-9	Xilong-Trung Quốc					chai/500g	4	15.HK2-CHT10303
99	Bút dạ kính TL-PM04 (Màu xanh)	PM04	Thiên Long-Việt Nam					cây	5	15.HK2-CHT10303
100	Bút lông băng (màu xanh)	LX	Việt Nam					cây	3	15.HK2-CHT10303
101	H ₂ O ₂	7722-84-1	Xilong-Trung Quốc					chai/500mL	10	15.HK2-CHT10303
102	Menthol tinh thể, độ tinh khiết 95%							kg	2	16.HK2-CHT10043
103	2,2-Diphenyl-1-picrylhydrazyl	D-03559/110	OXFORD					Chai/ 1g	1	17.HK3-CHT10017-1A (HC)
104	Acid oxalic		TQ					Chai/ 500g	1	17.HK3-CHT10017-1A (HC)
105	Nhiệt kế 200 độ C		Trung Quốc					Cái	15	17.HK3-CHT10017

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
										-1A (HC)
106	Bình định mức 500 ml	ISOLAB	ISOLAB					Cái	2	19.HK3-CHT10017-2A (VC)
107	Bình định mức 1000 ml	ISOLAB	ISOLAB					Cái	2	19.HK3-CHT10017-2A (VC)
108	EDTA 2Na	6381-92-6	Xi Long					Chai 250g	12	19.HK3-CHT10017-2A (VC)
109	Ống bơm dầu nhỏ DP-14	DP-14	DAISO					cái	2	19.HK3-CHT10017-2A (VC)
110	H2O2	7722-84-1	Xi Long					chai 500 mL	20	20.HK3-CHT10017-2B (HL)
111	Bình cầu 100 ml nhám 14/23 có nút thủy tinh		Biohall germany					Cái	3	23.HK3-CHT10101
112	Đầu chưng cất, 3 nhám 14		VN					Cái	1	23.HK3-CHT10101
113	Bình cầu 250 ml nhám 29 có nút thủy tinh		Biohall germany					Cái	1	23.HK3-CHT10101
114	Bình cầu 500 ml nhám 29 có nút thủy tinh		Biohall germany					Cái	1	23.HK3-CHT10101
115	Bình cầu 50 ml nhám 14 có nút thủy tinh		Biohall germany					Cái	1	23.HK3-CHT10101
116	Nút silicon từ số 1 đến số 8 (mỗi thứ 5)		Onelab/TQ					Bộ	1	23.HK3-CHT10101
117	Silica gel 60, 0,04 - 0,06 mm, for flash - SiO2		Scharlau					Chai/1 kg	1	23.HK3-CHT10101
118	Silica gel 230-400 Mesh (0,063- 0,037 mm) for flash		Ấn Độ					Chai/500 g	1	23.HK3-CHT10101
119	TLC silica gel 60 F254		Merck					Hộp/25 tờ	5	23.HK3-CHT10101
120	Đầu bóp silicon 2 ml cho ống nhỏ giọt (màu trắng)		VN/TQ					Cái	1	23.HK3-CHT10101
121	Nút silicon từ số 6 (33x26x25 mm)		Onelab/TQ					Cái	1	23.HK3-CHT10101
122	Dichloromethane (CH2Cl2)		Chemsol					Chai 500 ml	4	24.HK3-CHT10304
123	Pyridine	P/7960/15	Fisher					1 lít/ chai	1	24.HK3-CHT10304
124	Bình tia nhựa miệng hẹp 500ml		ONELAB					cái	7	24.HK3-CHT10304
125	Chai trung tính trắng 100 ml nắp vận	218012458	Schott					cái	6	24.HK3-CHT10304
126	Chai trung tính trắng 50 ml nắp vận	218011753	Schott					cái	7	24.HK3-CHT10304
127	Găng tay cao su không bột size M	PA- M	Malaysia					Hộp/ 100c	7	24.HK3-CHT10304
128	Ethanol absolute	64-17-5	Xi Long					Chai/ 500ml	13	24.HK3-CHT10304
129	Epoxy Công nghiệp (chưa có chất đông rắn)		Trung Quốc					Kg	2	28.HK3-CHT10204
130	Mg(NO3)2 (98%)	M-05475	Oxford					Kg	3	28.HK3-CHT10204

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
131	Triethylenetetramine	8666-1405	Daejung					500 ml / chai	3	28.HK3-CHT10204
132	Găng tay cao su không bột size M	PA- M	Malaysia					Hộp 100 c	5	29.HK3-CHE00081-A
133	Khẩu trang y tế 4 lớp		VN					Hộp	10	29.HK3-CHE00081-A
134	Cà nhựa 2 lít vạch trắng		Onle-Lab					cái	10	29.HK3-CHE00081-A
135	Kéo inox 16 cm thẳng		Pakistan					cái	50	29.HK3-CHE00081-A
136	Ống nghiệm thủy tinh F16 X 100MM		IsoLab					cái	200	29.HK3-CHE00081-A
137	Ống nghiệm thủy tinh F16 X 160MM		Biohall					cái	300	29.HK3-CHE00081-A
138	NaCl	101307040	GHTECH					500g	5	29.HK3-CHE00081-A
139	Tetrahydrofuran	109-99-9	Xi Long					500mL	5	29.HK3-CHE00081-A
140	FeSO4.7H2O		Xilong-TQ					Chai 500 g	5	29.HK3-CHE00081-A
141	NH4Cl		Xilong-TQ					Chai 500 g	10	29.HK3-CHE00081-A
142	AlCl3.6H2O		Xilong-TQ					Chai 500 g	10	29.HK3-CHE00081-A
143	HNO3-65%		GH-Tech					Chai 500 mL	5	29.HK3-CHE00081-A
144	Na2S		TQ					Chai 500 g	2	29.HK3-CHE00081-A
145	Isoamyl alcohol		Xilong (TQ)					Chai 500 mL	5	29.HK3-CHE00081-A
146	Cyclohexene		Merck					Chai 500 mL	1	29.HK3-CHE00081-A
147	H2O2	7722-84-1	Xi Long					500mL	8	29.HK3-CHE00081-A
148	H2SO4	7664-93-9 - CN	Việt Nam					39kg/ can	1	31.HK3-CHT10014
149	HCl Công nghiệp	7647-01-0- CN- CAN	Việt Nam					can 30kg	1	31.HK3-CHT10014
150	Ammoniac Công nghiệp	1336-21-6 - CN	Việt Nam					can 30kg	1	31.HK3-CHT10014
151	Cồn 96 độ	64-17-5 -CN	Việt Nam					Can 30L	4	31.HK3-CHT10014
152	ZnO	1314-13-2	Xi Long					Chai 500g	5	31.HK3-

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
										CHT10014
153	Giấy lọc f11 cm (102 định tính)	102-110	Trung Quốc					Hộp 100Tờ	1	31.HK3-CHT10014
154	Giấy lọc f18 cm (102 định tính)	102-180	Trung Quốc					Hộp 100Tờ	1	31.HK3-CHT10014
155	Giấy lọc f11 cm (101 định tính)	101-110	Trung Quốc					Hộp 100Tờ	1	31.HK3-CHT10014
156	Giấy lọc f18 cm (101 định tính)	101-180	Trung Quốc					Hộp 100Tờ	1	31.HK3-CHT10014
157	Khăn lau bàn ghế 30×30 (cm)		TRUNG QUỐC					kg	1	31.HK3-CHT10014
158	Băng Keo Trong 60 mm x 100 Yards - Màu Trắng		Việt Nam					cuộn	1	31.HK3-CHT10014
159	Can nhựa HDPE 10L (màu trắng)	CN-10	TQ					Cái	1	31.HK3-CHT10014
160	Can nhựa HDPE 10L (màu xanh dương)	CN-10X	TQ					Cái	1	31.HK3-CHT10014
161	Can nhựa HDPE 15L (màu trắng)	CN-15	TQ					Cái	1	31.HK3-CHT10014
162	Can nhựa HDPE 15L (màu xanh dương)	CN-10X	TQ					Cái	1	31.HK3-CHT10014
163	Can nhựa PP 10L (màu trắng)	CN-10	TQ					Cái	1	31.HK3-CHT10014
164	Bình tia nhựa 500 mL (miệng rộng)		TQ					Cái	1	31.HK3-CHT10014
165	Bút Bi Gel 0.5Mm (Màu đỏ)	TL0.5	Thiên Long					Cây	20	31.HK3-CHT10014
166	Bảng mỏng TLC pha thường	1055540001	Merck					Hộp	1	32.HK3-CHT10011-A
167	N - Hexane	C6H14	Chemsol					Chai/ 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
168	Toluene		Chemsol					Chai/ 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
169	NaOH	101394058	GHTECH					Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
170	Cồn 96 độ	64-17-5 -CN	Việt Nam					Can/ 30L	1	32.HK3-CHT10011-A
171	Na2SO4	101509010	GHTECH					Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
172	Toluene	108-88-3	Xi Long					Chai/ 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
173	Acid benzoic		TQ					Chai/ 250g	1	32.HK3-CHT10011-A
174	Silica gel 230 - 400 mesh (37 - 63 mm)	GRM7484	Himedia					Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
175	Parafin lỏng		TQ					Chai 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
176	Đầu bóp silicon 2 ml		Onelab					Cái	1	32.HK3-

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
	cho ống nhỏ giọt (màu trắng)									CHT10011-A
177	Bình cầu 1 cổ đáy tròn chịu nhiệt 100 ml, nhám 14/23	BLS.1209.09	TQ					Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
178	Nhiệt kế 200 độ C		TQ					Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
179	Muỗng inox 2 đầu tròn 200mm		Onelab					Cái	1	32.HK3-CHT10011-A
180	Ống mao quản dài 100mm x đường kính 1.55mm, hai đầu hở, (100cái/hộp), đo điểm nóng chảy		Mariefeld-Đức					Hộp/100 cái	1	32.HK3-CHT10011-A
181	1-Naphthol	GRM1392	Himedia					Chai/ 100g	1	32.HK3-CHT10011-A
182	2-Naphthol	GRM1292	Himedia					Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
183	Salicylic acid		TQ					Chai/ 250g	1	32.HK3-CHT10011-A
184	HCl	7647-01-0	Xi Long					Chai 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
185	KOH	1.01763.028	GHTECH					Chai/ 500g	1	32.HK3-CHT10011-A
186	H3PO4	7664-38-2	Xi Long					Chai 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
187	isopropanol	117.029.023	GHTECH					Chai 500ml	1	32.HK3-CHT10011-A
188	Hexane CN (phuy)	110-54-3 - CN- T	Thái Lan					138 kg/phuy	1	32.HK3-CHT10011-A
189	Ethyl acetate CN (phuy)	141-78-6	Trung Quốc					183 kg/phuy	1	32.HK3-CHT10011-A
190	Chloroform (CHCl3)		chemsol-VN					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
191	Diethyl ether	60-29-7	chemsol-VN					Chai/500ml	1	33.HK3-CHT10011-B
192	Hexane	C6H14	chemsol-VN					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
193	Toluene		chemsol-VN					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
194	Etanol (CN)	64-17-5 -CN	VN					lít	1	33.HK3-CHT10011-B
195	Acetophenone	GRM3107	Himedia					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
										-B
196	1-butanol	71-36-3	Xi Long					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
197	Cyclohexanol	2675-4105	Daejung					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
198	AcOH tinh khiết	64-19-7	Xi Long					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
199	Acetic anhydride	A/0480/PB17	Fisher					c/ 2.5L	1	33.HK3-CHT10011-B
200	Aniline	00266 00500	Pallav					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
201	N,N-Dimethylaniline	3054-4405	Daejung					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
202	2-Naphthol	GRM1292	Himedia					Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
203	4 - Aminobenzen sulfonic acid = Acid Sulfanilic		TQ					Chai/100 g	1	33.HK3-CHT10011-B
204	ANTHRACENE 96% Extra Pure	A-00957	TQ					Chai 100g	2	33.HK3-CHT10011-B
205	Hydroxyamine.HCl	NH2OH.HCl	GHTECH					Chai/100 g	1	33.HK3-CHT10011-B
206	NH3	1336-21-6	Xi Long					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
207	NaCl	101307040	GHTECH					Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
208	NaOH	101394058	GHTECH					Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
209	Na2CO3	497-19-8	Xi Long					Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
210	Na2SO4	101509010	GHTECH					Chai/500 g	1	33.HK3-CHT10011-B
211	H3PO4 (chai nhựa)		Xi Long					2024	1	33.HK3-CHT10011-B
212	HCl	7647-01-0	TQ					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
213	H2SO4	7664-93-9	TQ					Chai/500 ml	1	33.HK3-CHT10011-B
214	KMnO4		VN					Chai 500ml	1	33.HK3-CHT10011-B
215	FeCl3.6H2O	10025-77-1	TQ					Chai/500 g	1	33.HK3-

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
										CHT10011-B
216	Than hoạt tính		TQ					kg	1	33.HK3-CHT10011-B
217	Găng tay y tế màu trắng không bột	PA- M	Malaysia					Hộp	1	33.HK3-CHT10011-B
218	Nhiệt kế rượu 200 oC		TQ					Cái	1	33.HK3-CHT10011-B
219	Can nhựa HDPE 10L (màu trắng)	CN-10	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	4	(1)CHE00081_A_CQ
220	Anhydride acetic	A/0480/PB17	Fisher	2023	Mỹ	Fisher		c/ 2.5L	1	(1)CHE00081_A_CQ
221	KOH	1.01763.028	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 85 %	chai 500 g	2	(1)CHE00081_A_CQ
222	Na2CO3	497-19-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/500 g	2	(1)CHE00081_A_CQ
223	Cu	1.09025.016	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 99%	Chai 500g	2	(1)CHE00081_A_CQ
224	Zn	7440-66-6	Xi Long	2022	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng Độ 99 %	Chai/ 500g	2	(1)CHE00081_A_CQ
225	Hexan	C6H14	Chemsol	2024	Việt Nam	Vina chem	Độ tinh khiết ≥ 95 %	Chai/500 ml	2	(1)CHE00081_A_CQ
226	Toluen		Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99,5%	Chai/ 500ml	2	(1)CHE00081_A_CQ
227	Cyclohexen (C ₆ H ₁₀)	8028240500	Merck	2023	Đức	Merck		Chai/ 500ml	2	(1)CHE00081_A_CQ
228	Isopropanol (2-propanol)	67-63-0	Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/ 500ml	2	(1)CHE00081_A_CQ
229	Isoamyl alcohol		Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		Chai/ 500ml	2	(1)CHE00081_A_CQ
230	Acetone công nghiệp	67-64-1 - CN	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Trung Quốc	Nồng độ 99%	Can 30L	2	(1)CHE00081_A_CQ
231	H ₂ O ₂	7722-84-1	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 30%	Chai 500mL	2	(1)CHE00081_A_CQ
232	FeSO ₄	7782-63-0	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 99 - 101 %	Chai 500g	10	(1)CHE00081_A_CQ
233	AgNO ₃ (PA)	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	3	(1)CHE00081_A_CQ
234	Can nhựa 5L-vuông-đựng Hóa Chất (MAU TRẮNG)	CN-5	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	5	(2)CHE00082_CQ
235	Anhydride acetic	A/0480/PB17	Fisher	2023	Mỹ	Fisher		c/ 2.5L	1	(2)CHE00082_CQ
236	KOH	1.01763.028	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 85 %	chai 500 g	5	(2)CHE00082_CQ
237	Na2CO3	497-19-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/500 g	5	(2)CHE00082_CQ
238	Cu	1.09025.016	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 99%	Chai 500g	5	(2)CHE00082_CQ
239	Zn	7440-66-6	Xi Long	2022	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng Độ 99 %	Chai/ 500g	5	(2)CHE00082_CQ
240	Hexan	C6H14	Chemsol	2024	Việt Nam	Vina chem	Độ tinh khiết ≥ 95 %	Chai/500 ml	5	(2)CHE00082_CQ
241	Toluen		Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ	Chai/ 500ml	4	(2)CHE000

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
					Nam		99,5%			82_CQ
242	Cyclohexen (C ₆ H ₁₀)	8028240500	Merck	2023	Đức	Merck		Chai/ 500ml	1	(2)CHE000 82_CQ
243	Isopropanol (2-propanol)	67-63-0	Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/ 500ml	5	(2)CHE000 82_CQ
244	Isoamyl acohol		Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		Chai/ 500ml	5	(2)CHE000 82_CQ
245	Acetone công nghiệp	67-64-1 - CN	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Trung Quốc	Nồng độ 99%	Can 30L	1	(2)CHE000 82_CQ
246	H ₂ O ₂	7722-84-1	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 30%	Chai 500mL	10	(2)CHE000 82_CQ
247	FeSO ₄	7782-63-0	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 99 - 101 %	Chai 500g	10	(2)CHE000 82_CQ
248	Ca nhựa 2 L - có chia vạch		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab		Cái	4	(2)CHE000 82_CQ
249	Ca nhựa 5L - có chia vạch		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab		Cái	6	(2)CHE000 82_CQ
250	Khăn lau bàn ghế 30×30 (cm)	KHAN30V	Saigon Coop	2024	Việt Nam	Saigon Coop	Vật liệu: Sợi cotton Kích thước: 30 x 30 cm Thấm hút tốt	Kg	2	(2)CHE000 82_CQ
251	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm-màu đỏ	BN- ĐO	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		hộp	1	(2)CHE000 82_CQ
252	Găng tay nitrile size M không bột		Mã Lai	2024	Mã Lai	Top Glove		Hộp/ 100c	5	(2)CHE000 82_CQ
253	Găng tay nitrile size L không bột		Mã Lai	2024	Mã Lai	Top Glove		Hộp/ 100c	5	(2)CHE000 82_CQ
254	Acetone công nghiệp	67-64-1 - CN	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Trung Quốc	Nồng độ 99%	Can 30L	1	(2)CHE000 82_CQ
255	Giấy cân	10x10	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Đài loan	Kích thước 10 x 10 cm (Hộp = 500tờ)- Sử dụng để cân và chuyển mẫu	Hộp	10	(2)CHE000 82_CQ
256	Đầu bóp silicon 2 mL gắn pasteur pipet		ONELAB	2023	Trung Quốc	ONELAB		Cái	200	(2)CHE000 82_CQ
257	H ₂ SO ₄ (can 39 kg) (kỹ thuật)	7664-93-9 - CN	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 98%	39kg/ can	10	(3)CHE100 17_CQ
258	Cồn 96o (can 30L)	64-17-5 -CN	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 96%	Can 30L	10	(3)CHE100 17_CQ
259	Đá san hô							Kg	10	(3)CHE100 17_CQ
260	ZnO (PA)	1314-13-2	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99%	Chai 500g	10	(3)CHE100 17_CQ
261	KOH	1.01763.028	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 85 %	chai 500 g	10	(3)CHE100 17_CQ
262	CH ₃ COOH (PA)	64-19-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai/500mL	10	(3)CHE100 17_CQ
263	EDTA (PA)	6381-92-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99 %	Chai 250g	10	(3)CHE100 17_CQ
264	CH ₃ COONa (PA)	127-09-3	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99%	Chai 500g	10	(3)CHE100 17_CQ
265	ZnSO ₄	7446-20-0	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai 500g	10	(3)CHE100 17_CQ
266	BaCl ₂	10326-27-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		chai 500g	10	(3)CHE100 17_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
267	NH ₄ Cl	12125-02-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai 500g	10	(3)CHE10017_CQ
268	NaCl (PA)	101307040	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Độ tinh khiết (NaCl): ≥ 99,5%	Chai/500 g	10	(3)CHE10017_CQ
269	NaHCO ₃	144-55-8	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai 500g	10	(3)CHE10017_CQ
270	CaCl ₂	10043-52-4	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 96%	Chai 500g	10	(3)CHE10017_CQ
271	HNO ₃ (PA)	114003528	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Nồng Độ 65%	Chai 500 mL	10	(3)CHE10017_CQ
272	AgNO ₃ (PA)	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	2	(3)CHE10017_CQ
273	MgSO ₄	MgSO ₄ .7H ₂ O	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		Chai 500g	10	(3)CHE10017_CQ
274	CuSO ₄	1.09025.016	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 99%	Chai 500g	5	(3)CHE10017_CQ
275	NaOH	101394058	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Độ tinh khiết: 96 %	Chai 500g	9	(3)CHE10017_CQ
276	AlCl ₃	7784-13-6	Xi long	2022	Trung Quốc	Xi long	Nồng Độ 98 - 100,5%	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
277	SnCl ₄	SnCl ₄ .5H ₂ O	TQ		Trung Quốc			Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
278	Na ₂ CO ₃	497-19-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/500 g	1	(3)CHE10017_CQ
279	Pb(CH ₃ COO) ₂		TQ		Trung Quốc			Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
280	Pb(NO ₃) ₂	KHĐ	TQ		Trung Quốc			Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
281	Zn kim loại	7440-66-6	Xi Long	2022	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng Độ 99 %	Chai/ 500g	1	(3)CHE10017_CQ
282	Sn Kim loại	1.05302.020	GHTECH	2018	Trung Quốc	GHTECH	Nồng Độ 99,5 %	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
283	Na ₂ S ₂ O ₃	10102-17-7	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99%	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
284	KBr	7758-02-3	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99 %	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
285	FeCl ₃	10025-77-1	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		Chai/500 g	1	(3)CHE10017_CQ
286	KMnO ₄		Đức Giang	2024	Việt Nam	Đức Giang		Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
287	Na ₂ SO ₃	7757-83-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 97 %	Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
288	H ₂ O ₂ 30% (PA)	7722-84-1	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 30%	Chai 500mL	1	(3)CHE10017_CQ
289	Cr(NO ₃) ₃	KHĐ	TQ					Chai 500g	1	(3)CHE10017_CQ
290	Ethanol (PA)	64-17-5	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99.5%	Chai/ 500ml	1	(3)CHE10017_CQ
291	Bình cầu 250 mL Schott Duran (vừa nút cao su số 7, phi trong = 31 mm)	217213604	Schott	2023	Đức	Schott		Cái	1	(3)CHE10017_CQ
292	Erlen 250 mL Schott Duran (vừa nút số 7, phi trong = 31.5 mm)	212163605	Schott	2024	Đức	Schott	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Dung tích: 250 ml. Đường kính miệng 34	Cái	1	(3)CHE10017_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
							mm. Đường kính đáy 85 mm			
293	Nút cao su trắng số 8 ($\varphi = 33,5 \rightarrow 37,5 \rightarrow 42$ cm)		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab	Đường kính dưới 33* Đường Kính trên 41* Chiều cao 30mm	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
294	Bình định mức 500 ml		ONELAB	2024	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 500 ml Class A	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
295	Bình định mức 1000 ml		ONELAB	2024	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 1000 ml Class A	Cái	1	(3)CHE10017_CQ
296	Pipet vạch 5 ml		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab		Cái	1	(3)CHE10017_CQ
297	Găng tay bảo hộ sợi len độ bám tốt T106, Loại 40g		Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Đôi	1	(3)CHE10017_CQ
298	Giấy lọc f18 cm	102-180	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Cellulose Màu: Trắng Kích thước: Ø180mm	Hộp 100 Tờ	1	(3)CHE10017_CQ
299	Giấy lọc f18 cm	101-180	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Cellulose Màu: Trắng Kích thước: Ø180 mm	Hộp 100 Tờ	1	(3)CHE10017_CQ
300	Kẹp cổ bình cầu		ONELAB	2024	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thép không gỉ Kiểu: 3 càng. Chiều dài 17 cm	cái	1	(3)CHE10017_CQ
301	Găng tay nitrile size L không bột		Mã Lai	2024	Mã Lai	Top Glove		Hộp/ 100c	1	(3)CHE10017_CQ
302	Can nhựa HDPE 10L (màu trắng)	CN-10	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	1	(3)CHE10017_CQ
303	Can nhựa HDPE 10L (màu xanh dương)	CN-10X	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	1	(3)CHE10017_CQ
304	Can nhựa HDPE 15L (màu trắng)	CN-15	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	1	(3)CHE10017_CQ
305	Can nhựa HDPE 15L (màu xanh dương)	CN-10X	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	1	(3)CHE10017_CQ
306	Can nhựa PP 10L (màu trắng)	CN-10	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	1	(3)CHE10017_CQ
307	Ca nhựa 2 L - có chia vạch		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab		Cái	1	(3)CHE10017_CQ
308	Ca nhựa 5L - có chia vạch		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab		Cái	1	(3)CHE10017_CQ
309	Khăn lau bàn ghế 30×30 (cm)	KHAN30V	Saigon Coop	2024	Việt Nam	Saigon Coop	Vật liệu: Sợi cotton Kích thước: 30 x 30 cm	Kg	1	(3)CHE10017_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
							Thấm hút tốt			
310	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đỏ	BN- ĐO	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		hộp	1	(3)CHE10017_CQ
311	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đen	BN- ĐE	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		hộp	1	(3)CHE10017_CQ
312	NH4Cl	12125-02-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai 500g	4	(4)CHE10013_CQ
313	Acetone	67-64-1	Chemsol	2024	Việt Nam	Vina chem	Nồng độ 99,5%	Chai/500ml	10	(4)CHE10013_CQ
314	KCl		Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		chai 500g	4	(4)CHE10013_CQ
315	NaOH	101394058	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Độ tinh khiết: 96 %	Chai 500g	6	(4)CHE10013_CQ
316	PVA	PCT1316-500G	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		chai/500g	10	(4)CHE10013_CQ
317	Cân điện tử Ohaus 220g/0.001g	NV223	Ohaus	2023	Trung Quốc	Ohaus	Mức cân lớn nhất: Max = 220 g. - Độ đọc: d = 0.001 g. - Phạm vi đọc: (0.001 g tới 220 g). - Kích thước đĩa cân: Ø 93 mm. - Kích thước cân: (204 x 230 x 74) mm.	cái	1	(4)CHE10013_CQ
318	FeCl3	10025-77-1	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		Chai/500 g	2	(5)CHE10014_CQ
319	Oxalic acid		Xi Long		Trung Quốc	Xi Long		Chai/ 500g	2	(5)CHE10014_CQ
320	FeSO4	7782-63-0	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 99 - 101 %	Chai 500g	3	(5)CHE10014_CQ
321	Than Hoạt tính		Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		500 g / gói	11	(5)CHE10014_CQ
322	Điện cực Horiba 9632-10D (sử dụng trong môi trường kiềm mạnh)	9632-10D	Horiba	2023	Nhật	Horiba		cái	2	(5)CHE10014_CQ
323	Dụng cụ đo pH/Orp cầm tay Horiba pH210M	pH210M	Horiba	2023	Nhật	Horiba		cái	3	(5)CHE10014_CQ
324	Điện cực đo độ dẫn Horiba 9382-10D	9382-10D	Horiba	2023	Nhật	Horiba		cái	2	(5)CHE10014_CQ
325	Bình định mức 100 mL	013.01.101	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 100 ml Class A . Dung Sai + - 0,1 ml	Cái	2	(5)CHE10014_CQ
326	1,10-phenanthroline	121.433.010	GHTECH	2022	Trung Quốc	GHTECH	Điểm nóng chảy (°C): 97-101	Chai 5g	12	(6)CHE10016_CQ
327	AgNO3	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung	Xi Long	Độ tinh khiết:	chai 100g	3	(6)CHE100

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
					Quốc		99,8%			16_CQ
328	Muối Mohr Fe (II)	1.06129.010	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 95,5%	chai 500g	1	(6)CHE10016_CQ
329	KCl		Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		chai 500g	1	(6)CHE10016_CQ
330	Cuvet thủy tinh l =1cm		Trung Quốc	2023	Trung Quốc	Trung Quốc		Cái	4	(6)CHE10016_CQ
331	Giấy cân	10x10	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Đài loan	Kích thước 10 x 10 cm (Hộp = 500tờ)- Sử dụng để cân và chuyển mẫu	Hộp	1	(6)CHE10016_CQ
332	Màng lọc cellulose acetate 0.45 µm HPLC47mm 11106--47	11106-47N	Sartorius	2023	Đức	Sartorius		hộp /100tờ	1	(6)CHE10016_CQ
333	Parafilm	PM996	Mỹ	2024	Mỹ	USA	Kích thước: 4 inches x 125 feet (10cm x 38.1m)	Cuộn	2	(6)CHE10016_CQ
334	Nhiệt kế cồn 200 độ C		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab		Cái	5	(6)CHE10016_CQ
335	Bình định mức 25 mL		ONELAB	2024	Trung Quốc	ONELAB		Cái	20	(6)CHE10016_CQ
336	Diethyl ether	60-29-7	Chemsol	2025	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99%	Chai/500ml	1	(7)CHE10012_CQ
337	Hexane	C6H14	Chemsol	2024	Việt Nam	Vina chem	Độ tinh khiết ≥ 95 %	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
338	Toluene		Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99,5%	Chai/ 500ml	1	(7)CHE10012_CQ
339	Etanol 96-99% (CN)	64-17-5	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 99,5%	165 kg/phuy	1	(7)CHE10012_CQ
340	Aceton (CN)	67-64-1 - CN	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Trung Quốc	Nồng độ 99%	160 kg/phuy	2	(7)CHE10012_CQ
341	Acetonphenone	GRM3107	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
342	1-butanol	71-36-3	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
343	Cyclohexanol	2675-4105	Daejung	2024	Hàn Quốc	Daejung	Nồng Độ 99%	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
344	AcOH tinh khiết	64-19-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai/500mL	1	(7)CHE10012_CQ
345	Aniline	00266 00500	Pallav	2024	Ấn Độ	Pallav	Nồng độ 99.5%	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
346	N,N-Dimethylaniline	3054-4405	Daejung	2024	Hàn Quốc	Daejung	Nồng độ 99%	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
347	2-naphthol	GRM1292	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/ 500g	1	(7)CHE10012_CQ
348	Anthracene	A-00957	Oxford	2024	Ấn Độ	Oxford	Nồng Độ 96%	Chai 100g	1	(7)CHE10012_CQ
349	Hydroxyamine.HCl	NH2OH.HCl	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTEC H	Hydroxylamon i clorua – NH2OH · HCl – M = 69,49 g / mol – Tan trong nước: (20 °C): 464 g / l	Chai/100 g	1	(7)CHE10012_CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
							– Điểm nóng chảy: 159 °C			
350	NH ₃ đậm đặc (PA)	1336-21-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 25-28%	Chai 500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
351	NaCl	101307040	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Độ tinh khiết (NaCl): ≥ 99,5%	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
352	NaOH	101394058	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Độ tinh khiết: 96 %	Chai 500g	1	(7)CHE10012_CQ
353	Na ₂ CO ₃	497-19-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
354	Na ₂ SO ₄	101509010	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng Độ 99%	Chai/ 500g	1	(7)CHE10012_CQ
355	H ₃ PO ₄	7664-38-2	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 85%	chai 500ml	1	(7)CHE10012_CQ
356	HCl	7647-01-0	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 36-37%	Chai/500mL	1	(7)CHE10012_CQ
357	H ₂ SO ₄	7664-93-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 98%	Chai/500 ml	1	(7)CHE10012_CQ
358	KMnO ₄		Đức Giang	2024	Việt Nam	Đức Giang		Chai 500g	1	(7)CHE10012_CQ
359	FeCl ₃ .6H ₂ O	10025-77-1	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		Chai/500 g	1	(7)CHE10012_CQ
360	Silica gel 60, 0,04 - 0,06 mm, for flash - SiO ₂	GE00481000	Scharlau	2023	Tây Ban Nha	Scharlau		Chai/1 kg	1	(7)CHE10012_CQ
361	Silica gel 230 - 400 mesh	GRM7484	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia	Dạng vật lý: Bột màu trắng Độ hòa tan: Không hòa tan trong nước Kích thước hạt 1: tối thiểu. 80.0% đi qua 230 mesh (63 μm) Kích thước hạt 2: tối đa. 20.0% đi qua 400 mesh (37 μm)	Chai 500 g	30	(7)CHE10012_CQ
362	TLC silica gel 60 F ₂₅₄	1055540001	Merck	2024	Đức	Merck	Tấm nhôm TLC, phủ silica gel với chất chỉ thị huỳnh quang F ₂₅₄ . Các bản TLC silica gel số lượng 25 kích thước 20x20 cm dùng cho các ứng dụng sắc ký lớp mỏng.	Hộp/25 tờ	10	(7)CHE10012_CQ
363	Găng tay y tế màu trắng không bột	PA- M	Malaysia	2024	Malaysia	PA Gloves	găng tay Latex không bột , Không tiết trùng	Hộp/ 100c	1	(7)CHE10012_CQ
364	Cloroform	2548-4404	Daejung	2023	Hàn	Daejung	Nồng độ	4 lít/chai	2	(8)CHE103

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
					Quốc		99.5%			05_CQ
365	Etanol	1.17113.323	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Độ tinh khiết: 99,5 %	Chai/500mL	4	(8)CHE103_05_CQ
366	NH ₃	1336-21-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 25-28%	Chai 500 ml	10	(8)CHE103_05_CQ
367	Acetone	1000142500	Merck	2024	Đức	Merck	Nồng Độ ≥99.8%	Chai/2.5L	1	(9)CHE103_06_CQ_MĐT
368	Ethanol	E/0650DF/17	Fisher	2023	Mỹ	Fisher	Nồng độ 99.8%	Chai 2.5 L	2	(9)CHE103_06_CQ_MĐT
369	trans-1,2 diaminocyclohexane-N,N,N',N'-tetraacetic acid (CDTA) code : 8410320025,	8410320025	Merck	2024	Đức	Merck		25g/ chai	1	(9)CHE103_06_CQ_MĐT
370	HCl	7647-01-0	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 36-37%	Chai/500mL	5	(10)CHE10324_CQ
371	H ₂ SO ₄	7664-93-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 98%	Chai/500 ml	10	(10)CHE10324_CQ
372	HNO ₃	114003528	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng Độ 65%	Chai 500 mL	10	(10)CHE10324_CQ
373	H ₃ PO ₄	7664-38-2	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 85%	chai 500ml	5	(10)CHE10324_CQ
374	NH ₃	1336-21-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 25-28%	Chai 500 ml	20	(10)CHE10324_CQ
375	CH ₃ COOH	64-19-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai/500mL	10	(10)CHE10324_CQ
376	CH ₃ COONa	127-09-3	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99%	Chai 500g	5	(10)CHE10324_CQ
377	CuSO ₄	1,09025,016	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 99%	Chai 500g	5	(10)CHE10324_CQ
378	NaOH	101394058	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Độ tinh khiết: 96 %	Chai 500g	5	(10)CHE10324_CQ
379	FeSO ₄	7782-63-0	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 99 - 101 %	Chai 500g	1	(10)CHE10324_CQ
380	1,10 phenanthroline	121.433.010	GHTECH	2022	Trung Quốc	GHTEC H	Điểm nóng chảy (°C): 97-101	Chai 5g	5	(10)CHE10324_CQ
381	hydroxylamine	NH ₂ OH,HCl	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTEC H	Hydroxylamon i clorua – NH ₂ OH · HCl – M = 69,49 g / mol – Tan trong nước: (20 °C): 464 g / l – Điểm nóng chảy: 159 °C	Chai/100 g	5	(10)CHE10324_CQ
382	acid ascorbic	50-81-7	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 99,7 %	Chai 100g	1	(10)CHE10324_CQ
383	Bếp hồng ngoại	SHD 6015	Sunhouse	2023	Việt Nam	Sunhouse		Cái	2	(10)CHE10324_CQ
384	Đầu bóp silicon 2 mL gắn pasteur pipet		ONELAB	2023	Trung Quốc	ONELAB		Cái	30	(11)CHE10606-CQ
385	Hexan	C ₆ H ₁₄	Chemsol	2024	Việt Nam	Vina chem	Độ tinh khiết ≥ 95 %	Chai/500 ml	1	(11)CHE10606-CQ
386	chloroform	67-66-3	Chemsol	2024	Việt	VINA	Nồng độ tinh	Chai 500 ml	1	(11)CHE10

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
					Nam	CHEM	khuyết 99%			606-CQ
387	Ethyl acetate		Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		Chai/500 ml	1	(11)CHE10 606-CQ
388	Isopropanol (2-propanol)	67-63-0	Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/ 500ml	1	(11)CHE10 606-CQ
389	Acetone	1.17801.403	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 99,5%	Chai 500mL	1	(11)CHE10 606-CQ
390	Bảng mỏng silicagel F254	1055540001	Merck	2024	Đức	Merck	Tấm nhôm TLC, phủ silica gel với chất chỉ thị huỳnh quang F254. Các bản TLC silica gel số lượng 25 kích thước 20x20 cm dùng cho các ứng dụng sắc ký lớp mỏng.	Hộp/25 tờ	2	(11)CHE10 606-CQ
391	Glycerin (Chai thủy tinh 0.5 lit)	56-81-5	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99.5%	Chai/ 500ml	5	(1)PHY000 81 CLC
392	Bình tam giác 1000 ml		Onelab	2023	Trung Quốc	Onelab		Cái	1	(1)PHY000 81 CLC
393	Chloroform (CHCl3)	67-66-3	Chemsol	2024	Việt Nam	VINA CHEM	Nồng độ tinh khiết 99%	Chai 500 ml	1	(2)CHE100 12_CLC- VP
394	Ethyl acetate	CH3COOC2H5	Chemsol	2024	Việt Nam	Vina chem	Nồng độ 99,5%	chai 500ml	1	(2)CHE100 12_CLC- VP
395	Diethyl ether	60-29-7	Chemsol	2025	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99%	Chai/500ml	1	(2)CHE100 12_CLC- VP
396	Hexane	C6H14	Chemsol	2024	Việt Nam	Vina chem	Độ tinh khiết ≥ 95 %	Chai/500 ml	1	(2)CHE100 12_CLC- VP
397	Toluene		Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99,5%	Chai/ 500ml	1	(2)CHE100 12_CLC- VP
398	Etanol (CN)	64-17-5 -CN	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 96%	Lít	1	(2)CHE100 12_CLC- VP
399	Acetophenone	GRM3107	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/500 ml	1	(2)CHE100 12_CLC- VP
400	1-butanol	71-36-3	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/500 ml	1	(2)CHE100 12_CLC- VP
401	Cyclohexanol	2675-4105	Daejung	2024	Hàn Quốc	Daejung	Nồng Độ 99%	Chai/500 ml	1	(2)CHE100 12_CLC- VP
402	AcOH tinh khiết	64-19-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai/500mL	1	(2)CHE100 12_CLC- VP
403	Acetic anhydride	A/0480/PB17	Fisher	2023	Mỹ	Fisher		c/ 2.5L	1	(2)CHE100 12_CLC- VP
404	Aniline	00266 00500	Pallav	2024	Ấn Độ	Pallav	NỒNG độ 99.5%	Chai/500 ml	1	(2)CHE100 12_CLC- VP

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
405	N,N-Dimethylaniline	3054-4405	Daejung	2024	Hàn Quốc	Daejung	Nồng độ 99%	Chai/500 ml	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
406	2-naphthol	GRM1292	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/ 500g	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
407	Anthracene	A-00957	Oxford	2024	Ấn Độ	Oxford	Nồng Độ 96%	Chai 100g	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
408	Hydroxyamine.HCl	NH2OH.HCl	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTECH	Hydroxylamon i clorua – NH2OH · HCl – M = 69,49 g / mol – Tan trong nước: (20 °C): 464 g / l – Điểm nóng chảy: 159 °C	Chai/100 g	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
409	NH3	1336-21-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 25-28%	Chai 500 ml	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
410	NaCl	101307040	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Độ tinh khiết (NaCl): ≥ 99,5%	Chai/500 g	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
411	NaOH	101394058	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Độ tinh khiết: 96 %	Chai 500g	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
412	Na2CO3	497-19-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/500 g	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
413	Na2SO4	101509010	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Nồng Độ 99%	Chai/ 500g	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
414	H3PO4	7664-38-2	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 85%	chai 500ml	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
415	HCl	7647-01-0	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 36-37%	Chai/500mL	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
416	H2SO4	7664-93-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 98%	Chai/500 ml	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
417	KMnO4		Đức Giang	2024	Việt Nam	Đức Giang		Chai 500g	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
418	FeCl3.6H2O	10025-77-1	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		Chai/500 g	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
419	Găng tay y tế màu trắng không bột	PA- M	Malaysia	2024	Malaysia	PA Gloves	găng tay Latex không bột , Không tiết trùng	Hộp/ 100c	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
420	Erlen 50 ml		Onelab	2023	Trung Quốc	Onelab		Cái	1	(2)CHE100 12_CLC-VP
421	Nhiệt kế rượu 200 oC		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab		Cái	1	(2)CHE100 12_CLC-VP

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
422	Bình cầu 100 ml nhám 14/23 có nút thủy tinh	BLS.1209.09 +BLS.I.105				Biohall	Bình cầu 1 cổ nhám đáy tròn 100 ml nhám 14/23+ nút thủy tinh	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
423	Kẹp 3 càng		ONELAB	2024	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thép không gỉ Kiểu: 3 càng. Chiều dài 17 cm	cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
424	Muỗng inox nhỏ 20 cm, 2 đầu tròn		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab	Chiều dài 20 cm	cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
425	Cột Vigreux 30 cm					VN		Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
426	Bình cầu 250 ml nhám 29 có nút thủy tinh	BLS.1209.19 +BLS.I.108	Biohall	2024	Ấn	Biohall	Bình cầu 1 cổ nhám đáy tròn 250 ml nhám 29/32 + Nút thủy tinh	Cái	2	(2)CHE10012_CLC-VP
427	Bình cầu 50 ml nhám 14 có nút thủy tinh	BLS.1209.05 +BLS.I.105	Biohall	2024	Ấn	Biohall	Bình cầu 1 cổ nhám đáy tròn 50ml nhám 14/23	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
428	Cá từ trứng (oval) 2 cm	D00026/013	Dinlab	2023	Đức	Dinlab		Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
429	Nút silicon từ số 6 (33x26x25 mm)		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab	Đường kính dưới 26* Đường kính trên 32* Chiều cao 28mm	Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
430	Silica gel 60, 0,04 - 0,06 mm, for flash - SiO2	GE00481000	Scharlau	2023	Tây Ban Nha	Scharlau		Chai/1 kg	5	(2)CHE10012_CLC-VP
431	Silica gel 230-400 Mesh (0,063- 0,037 mm) for flash	GRM7484	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia	Dạng vật lý: Bột màu trắng Độ hòa tan: Không hòa tan trong nước Kích thước hạt 1: tối thiểu. 80.0% đi qua 230 mesh (63 µm) Kích thước hạt 2: tối đa. 20.0% đi qua 400 mesh (37 µm)	Chai 500 g	1	(2)CHE10012_CLC-VP
432	TLC silica gel 60 F254	1055540001	Merck	2024	Đức	Merck	Tấm nhôm TLC, phủ silica gel với chất chỉ thị huỳnh quang F254. Các bản TLC silica gel số lượng 25 kích thước	Hộp/25 tờ	2	(2)CHE10012_CLC-VP

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
							20x20 cm dùng cho các ứng dụng sắc ký lớp mỏng.			
433	Đầu bóp silicon 2 ml cho ống nhỏ giọt (màu trắng)		ONELAB	2023	Trung Quốc	ONELAB		Cái	1	(2)CHE10012_CLC-VP
434	1,10-phenanthroline	121.433.010	GHTECH	2022	Trung Quốc	GHTECH	Điểm nóng chảy (°C): 97-101	Chai 5g	10	(3)CHE10016_CLC
435	Parafilm	PM996	Mỹ	2024	Mỹ	USA	Kích thước: 4 inches x 125 feet (10cm x 38.1m)	Cuộn	1	(3)CHE10016_CLC
436	Găng tay nitrile size L không bột		Mã Lai	2024	Mã Lai	Top Glove		Hộp/ 100c	1	(4)CHE10606-CLC
437	Kẹp Sinh hàn (Kẹp bình cầu 3 càng)		ONELAB	2024	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thép không gỉ Kiểu: 3 càng. Chiều dài 17 cm	cái	2	(4)CHE10606-CLC
438	Cuvet thủy tinh l =1cm		Trung Quốc	2023	Trung Quốc	Trung Quốc		Cái	5	(4)CHE10606-CLC
439	AlCl3	7784-13-6	Xi long	2022	Trung Quốc	Xi long	Nồng Độ 98 - 100,5%	Chai 500g	4	(4)CHE10606-CLC
440	TLC silica gel 60 F254	1055540001	Merck	2024	Đức	Merck	Tấm nhôm TLC, phủ silica gel với chất chỉ thị huỳnh quang F254. Các bản TLC silica gel số lượng 25 kích thước 20x20 cm dùng cho các ứng dụng sắc ký lớp mỏng.	Hộp/25 tờ	1	(4)CHE10606-CLC
441	Parafilm	PM996	Mỹ	2024	Mỹ	USA	Kích thước: 4 inches x 125 feet (10cm x 38.1m)	Cuộn	1	(4)CHE10606-CLC
442	FeCl3.6H2O	10025-77-1	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		Chai/500 g	2	(4)CHE10606-CLC
443	Pipette pasteur 150 mm	9250101	Hirschmann	2023	Đức	Hirschmann	vật liệu : bằng thủy tinh . Kích thước 150 mm	hộp/250c	1	(4)CHE10606-CLC
444	N-(1-Naphthyl)ethylenediamine, dihydrochloride, 98+%	423990050	ACS reagent			Thermo		Chai/5 g	1	(4)CHE10606-CLC
445	Sulfanilamide, 98%	132851000	Acros			Acros		Chai/100 g	1	(4)CHE10606-CLC
446	Muỗng inox nhỏ 20 cm, 2 đầu tròn		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab	Chiều dài 20 cm	cái	8	(4)CHE10606-CLC
447	Can nhựa 10L (HDPE)	CN-10	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	2	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
448	NaCl	101307040	GHTECH	2024	Trung	GHTECH	Độ tinh khiết	Chai/500 g	5	(1)CHE000

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
					Quốc	H	(NaCl): ≥ 99,5%			81_A_CQ_HK2
449	Anhydride acetic	A/0480/PB17	Fisher	2023	Mỹ	Fisher		c/ 2.5L	1	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
450	Cyclohexen (C6H10)	8028240500	Merck	2023	Đức	Merck		Chai/ 500ml	1	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
451	Isopropanol	67-63-0	Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/ 500ml	5	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
452	Cu	7440-50-8	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 99,5%	Chai/ 500g	2	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
453	H2O2	7722-84-1	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 30%	Chai 500mL	5	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
454	AgNO3	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	4	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
455	FeCl3.6H2O	10025-77-1	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		Chai/500 g	2	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
456	ZnSO4.7H2O	7446-20-0	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai 500g	2	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
457	Na2S		Trung Quốc	2023	Trung Quốc	Trung Quốc		Chai 500g	1	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
458	Aniline	00266 00500	Pallav	2024	Ấn Độ	Pallav	NỒNG độ 99,5%	Chai/500 ml	5	(1)CHE00081_A_CQ_HK2
459	Can nhựa 10L (HDPE)	CN-10	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	5	(2)CHE00082_CQ_HK2
460	Găng tay nitrile size L		Mã Lai	2024	Mã Lai	Top Glove		Hộp/ 100c	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
461	Găng tay nitrile size M		Mã Lai	2024	Mã Lai	Top Glove		Hộp/ 100c	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
462	NaCl	101307040	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Độ tinh khiết (NaCl): ≥ 99,5%	Chai/500 g	2	(2)CHE00082_CQ_HK2
463	Anhydride acetic	A/0480/PB17	Fisher	2023	Mỹ	Fisher		c/ 2.5L	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
464	Cyclohexen (C6H10)	8028240500	Merck	2023	Đức	Merck		Chai/ 500ml	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
465	Isopropanol	67-63-0	Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/ 500ml	1	(2)CHE00082_CQ_HK2
466	Cu	7440-50-8	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 99,5%	Chai/ 500g	2	(2)CHE00082_CQ_HK2
467	H2O2	7722-84-1	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 30%	Chai 500mL	5	(2)CHE00082_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
468	AgNO3	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	4	(2)CHE00082_CQ_HK2
469	FeCl3.6H2O	10025-77-1	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		Chai/500 g	2	(2)CHE00082_CQ_HK2
470	ZnSO4.7H2O	7446-20-0	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai 500g	2	(2)CHE00082_CQ_HK2
471	HNO3(đđ)	114003528	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Nồng Độ 65%	Chai 500 mL	5	(2)CHE00082_CQ_HK2
472	Na2S		Trung Quốc	2023	Trung Quốc	Trung Quốc		Chai 500g	5	(2)CHE00082_CQ_HK2
473	Aniline	00266 00500	Pallav	2024	Ấn Độ	Pallav	NỒNG độ 99.5%	Chai/500 ml	5	(2)CHE00082_CQ_HK2
474	AgNO3	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	10	(3)CHE10015-CQ-TT HPT1
475	Na2S (9H2O)		Trung Quốc	2023	Trung Quốc	Trung Quốc		Chai 500g	2	(3)CHE10015-CQ-TT HPT1
476	CH3COONa khan	127-09-3	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99%	Chai 500g	30	(3)CHE10015-CQ-TT HPT1
477	Dung dịch NH ₃ đậm đặc (PA)	1336-21-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 25-28%	chai 500ml	30	(3)CHE10015-CQ-TT HPT1
478	H2O2	7722-84-1	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 30%	Chai 500mL	10	(3)CHE10015-CQ-TT HPT1
479	CH3COOH	64-19-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai/500mL	10	(3)CHE10015-CQ-TT HPT1
480	Muỗng cân hóa chất		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab	Chiều dài 20 cm	cái	5	(3)CHE10015-CQ-TT HPT1
481	Khăn lau bàn vải microfiber 30x40cm		Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		cái	1	(3)CHE10015-CQ-TT HPT1
482	Băng keo trong		Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		cuộn	4	(3)CHE10015-CQ-TT HPT1
483	Bình định mức 100 mL	013.01.101	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 100 ml Class A . Dung Sai + - 0,1 ml	Cái	10	(3)CHE10015-CQ-TT HPT1
484	Na2SO3	7757-83-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 97 %	Chai 500g	3	(3)CHE10015-CQ-TT HPT1
485	NaCl	101307040	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Độ tinh khiết (NaCl): ≥ 99,5%	Chai/500 g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
486	Bảng mỏng TLC pha	1055540001	Merck	2024	Đức	Merck	Tám nhôm	Hộp/25 tờ	1	(4)CHE100

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
	thường						TLC, phủ silica gel với chất chỉ thị huỳnh quang F254. Các bản TLC silica gel số lượng 25 kích thước 20x20 cm dùng cho các ứng dụng sắc ký lớp mỏng.			11_CQ_H K2
487	Hexane	C6H14	Chemsol	2024	Việt Nam	Vina chem	Độ tinh khiết $\geq 95\%$	Chai/500 ml	1	(4)CHE100 11_CQ_H K2
488	Toluene		Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99,5%	Chai/ 500ml	1	(4)CHE100 11_CQ_H K2
489	NaOH	101394058	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Độ tinh khiết:96 %	Chai 500g	1	(4)CHE100 11_CQ_H K2
490	Cồn CN 96	64-17-5 -CN	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 96%	Can 30L	2	(4)CHE100 11_CQ_H K2
491	Acid acetic	64-19-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai/ 500ml	1	(4)CHE100 11_CQ_H K2
492	Na2SO4	101509010	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng Độ 99%	Chai/ 500g	1	(4)CHE100 11_CQ_H K2
493	Acetone CN	67-64-1 - CN	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Trung Quốc	Nồng độ 99%	Can 30L	5	(4)CHE100 11_CQ_H K2
494	Toluene	108-88-3	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99,5%. Hàm lượng SO4 $\leq 0,0005\%$	Chai/ 500ml	1	(4)CHE100 11_CQ_H K2
495	Acid oxalic		Xi Long		Trung Quốc	Xi Long		Chai/ 500g	1	(4)CHE100 11_CQ_H K2
496	Acid benzoic		Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		Chai/ 250g	3	(4)CHE100 11_CQ_H K2
497	Bình cầu 250 ml đáy tròn, nhám 24/29	BLS.1209.18	Biohall	2024	Ấn	Biohall		Cái	1	(4)CHE100 11_CQ_H K2
498	Silica gel 230 - 400 mesh (37 - 63 mm)	GRM7484	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia	Dạng vật lý: Bột màu trắng Độ hòa tan: Không hòa tan trong nước Kích thước hạt 1: tối thiểu. 80.0% đi qua 230 mesh (63 μ m) Kích thước hạt 2: tối đa. 20.0% đi qua 400 mesh (37	Chai 500 g	1	(4)CHE100 11_CQ_H K2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
							µm)			
499	Silica gel 60 - 200 mesh	GRM7478	Himedia	2024	Ấn độ	Himedia	- Dạng bột hoặc hạt tròn, màu trắng - Độ hòa tan: Không hòa tan trong nước - pH (huyền phù nước 10% ở 25 °C): 6,50 - 7,50 - Kích thước hạt 1: ≤ 80,00% đi qua 60 lưới (250 µm) - Kích thước hạt 2: ≥ 20,00% đi qua 200 lưới (74 µm)	500g/chai	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
500	Cột sắc ký khóa teflon đỏ, đường kính trong 1.5 cm, dài 30 cm					Việt Nam GC		Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
501	Parafin lỏng	8042-47-5	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Tỷ trọng 0,835-0,860	Chai 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
502	Đầu bóp silicon 2 ml cho ống nhỏ giọt (màu trắng)		ONELAB	2023	Trung Quốc	ONELAB		Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
503	Bình cầu 1 cổ đáy tròn chịu nhiệt 100 ml, nhám 14/23	BLS.1209.09	Biohall	2024	Ấn	Biohall		Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
504	Nhiệt kế 200 độ C		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab		Cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
505	Muỗng inox 2 đầu tròn 200mm		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab	Chiều dài 20 cm	cái	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
506	1-Naphthol	GRM1392	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/ 100g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
507	2-Naphthol	GRM1292	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/ 500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
508	Acetanilide	GRM1865	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/ 500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
509	Benzamide	GRM1345	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/ 500g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
510	Salicylic acid		Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		Chai/ 250g	2	(4)CHE10011_CQ_HK2
511	HCl	7647-01-0	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 36-37%	Chai/500mL	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
512	KOH	1.01763.028	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 85 %	chai 500 g	1	(4)CHE10011_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
513	H3PO4	7664-38-2	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 85%	chai 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
514	isopropanol	117029023	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 99.7%	Chai 500ml	1	(4)CHE10011_CQ_HK2
515	Hexane CN (phuy)	110-54-3 - CN- T	Thái Lan	2024	Thái Lan	Thái Lan		138 kg/phuy	2	(4)CHE10011_CQ_HK2
516	Ethyl acetate CN (phuy)	141-78-6	Trung Quốc	2023	Trung Quốc	Trung Quốc	Nồng độ 99.95%	180 kg/phuy	2	(4)CHE10011_CQ_HK2
517	MnO2 phân tích		Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		Chai 250g	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
518	Cồn 96, Công nghiệp	64-17-5 -CN	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 96%	Lít	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
519	Dung dịch NH ₃ đậm đặc (PA)	1336-21-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 25-28%	chai 500ml	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
520	H2O2 30% PA	7722-84-1	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 30%	Chai 500mL	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
521	KOH (PA)	1.01763.028	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 85 %	chai 500 g	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
522	NaOH (PA)	101394058	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Độ tinh khiết:96 %	Chai 500g	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
523	H2SO4 (can 39 kg) (kỹ thuật)	7664-93-9 - CN	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 98%	39kg/ can	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
524	HCl (can 30kg) Kỹ Thuật	7647-01-0- CN- CAN	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 32%	can 30kg	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
525	NH3 (can 30kg) Kỹ thuật	1336-21-6 - CN	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 22%	can 30kg	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
526	CuSO4.5H2O (PA)	1.09025.016	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 99%	Chai 500g	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
527	EDTA (PA)	6381-92-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99 %	Chai 250g	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
528	CuCl2.2H2O (PA)	10125-13-0	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 98%	chai 500g	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
529	(NH4)2Fe(SO4)2.6H2O	1.06129.010	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 95,5%	chai 500g	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
530	NaCl (PA)	101307040	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Độ tinh khiết (NaCl): ≥ 99,5%	Chai/500 g	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
531	KMnO4		Đức Giang	2024	Việt Nam	Đức Giang		Chai 500g	10	(5)CHE10018_CQ_HK2
532	ethanol (PA)	64-17-5	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99.5%	Chai/ 500ml	10	(5)CHE10018_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
533	BaCl2.2H2O	10326-27-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
534	Na2CO3 (PA)	497-19-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/500 g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
535	NH4Cl (PA)	12125-02-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai 500g	20	(5)CHE10018_CQ_HK2
536	AgNO3 (PA)	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
537	H2C2O4 (PA)		Xi Long		Trung Quốc	Xi Long		Chai/ 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
538	Na2S2O3 (PA)	10102-17-7	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99%	Chai 500g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
539	Acid oxalic			Bao 25kg					1	(5)CHE10018_CQ_HK2
540	1, 10 phenanthroline	121433010	GHTECH	2022	Trung Quốc	GHTEC H	Điểm nóng chảy (°C): 97-101	Chai 5g	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
541	Erlen 250 mL Schott Duran (vừa nút số 7, phi trong = 31.5 mm)	212163605	Schott	2024	Đức	Schott	Vật liệu: Thủy tinh boro 3.3 Dung tích:250 ml. Đường kính miệng 34 mm. Đường kính đáy 85 mm	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
542	Nút cao su trắng số 8 (φ = 33,5 → 37,5 → 42 cm)		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab	Đường kính dưới 33* Đường Kính trên 41* Chiều cao 30mm	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
543	Bình định mức 500 ml		ONELAB	2024	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 500 ml Class A	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
544	Bình định mức 1000 ml		ONELAB	2024	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 1000 ml Class A	Cái	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
545	Găng tay bảo hộ sợi len độ bám tốt T106, Loại 40g		Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Đôi	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
546	Giấy lọc f18 cm	102-180	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Cellulose Màu: Trắng Kích thước: Ø180mm	Hộp 100 Tờ	1	(5)CHE10018_CQ_HK2
547	Giấy lọc f18 cm	101-180	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Cellulose Màu: Trắng	Hộp 100 Tờ	1	(5)CHE10018_CQ_HK2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
							Kích thước: Ø180 mm			
548	Găng tay nitrile size L không bột		Mã Lai	2024	Mã Lai	Top Glove		Hộp/ 100c	1	(5)CHE10018_CQ_H K2
549	Can nhựa HDPE 10L (màu trắng)	CN-10	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	1	(5)CHE10018_CQ_H K2
550	Can nhựa HDPE 10L (màu xanh dương)	CN-10X	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	1	(5)CHE10018_CQ_H K2
551	Can nhựa HDPE 15L (màu trắng)	CN-15	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	1	(5)CHE10018_CQ_H K2
552	Can nhựa HDPE 15L (màu xanh dương)	CN-10X	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	1	(5)CHE10018_CQ_H K2
553	Can nhựa PP 10L (màu trắng)	CN-10	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Cái	1	(5)CHE10018_CQ_H K2
554	Khăn lau bàn ghế 30×30 (cm)	KHAN30V	Saigon Coop	2024	Việt Nam	Saigon Coop	Vật liệu: Sợi cotton Kích thước: 30 x 30 cm Thấm hút tốt	Kg	1	(5)CHE10018_CQ_H K2
555	Ethanol absolute (chai 1L)		Chemsol		Việt Nam			Chai/ 1L	20	CHE10014-CLC_TTH L2
556	Điện cực Horiba 9632-10D (sử dụng trong môi trường kiềm mạnh)	9632-10D	Horiba	2023	Nhật	Horiba		cái	2	CHE10014-CLC_TTH L2
557	MnO2 phân tích		Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		Chai 250g	10	CHE10018-CLC- TT HVC2
558	Cồn 96, Công nghiệp	64-17-5 -CN	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 96%	Lít	10	CHE10018-CLC- TT HVC2
559	Dung dịch NH ₃ đậm đặc (PA)	1336-21-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 25-28%	chai 500ml	10	CHE10018-CLC- TT HVC2
560	H ₂ O ₂ 30% PA	7722-84-1	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 30%	Chai 500mL	10	CHE10018-CLC- TT HVC2
561	KOH (PA)	1.01763.028	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Nồng độ 85 %	chai 500 g	10	CHE10018-CLC- TT HVC2
562	NaOH (PA)	101394058	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Độ tinh khiết:96 %	Chai 500g	10	CHE10018-CLC- TT HVC2
563	H ₂ SO ₄ (can 39 kg) (kỹ thuật)	7664-93-9 -CN	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 98%	39kg/ can	9	CHE10018-CLC- TT HVC2
564	HCl (can 30kg) Kỹ Thuật	7647-01-0-CN- CAN	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 32%	can 30kg	9	CHE10018-CLC- TT HVC2
565	NH ₃ (can 30kg) Kỹ thuật	1336-21-6 -CN	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 22%	can 30kg	10	CHE10018-CLC- TT HVC2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
566	CuSO ₄ .5H ₂ O (PA)	1.09025.016	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 99%	Chai 500g	4	CHE10018 -CLC- TT HVC2
567	EDTA (PA)	6381-92-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99 %	Chai 250g	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
568	CuCl ₂ .2H ₂ O (PA)	10125-13-0	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 98%	chai 500g	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
569	(NH ₄) ₂ Fe(SO ₄) ₂ .6H ₂ O	1.06129.010	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 95,5%	chai 500g	9	CHE10018 -CLC- TT HVC2
570	NaCl (PA)	101307040	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Độ tinh khiết (NaCl): ≥ 99,5%	Chai/500 g	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
571	KMnO ₄		Đức Giang	2024	Việt Nam	Đức Giang		Chai 500g	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
572	ethanol (PA)	64-17-5	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99.5%	Chai/ 500ml	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
573	BaCl ₂ .2H ₂ O	10326-27-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		chai 500g	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
574	Na ₂ CO ₃ (PA)	497-19-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/500 g	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
575	NH ₄ Cl (PA)	12125-02-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai 500g	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
576	AgNO ₃ (PA)	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
577	H ₂ C ₂ O ₄ (PA)		Xi Long		Trung Quốc	Xi Long		Chai/ 500g	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
578	Na ₂ S ₂ O ₃ (PA)	10102-17-7	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99%	Chai 500g	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
579	1, 10 phenanthroline	121433010	GHTECH	2022	Trung Quốc	GHTEC H	Điểm nóng chảy (°C): 97-101	Chai 5g	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
580	Bình cầu đáy tròn 250ml N34	217213604	Schott	2023	Đức	Schott		Cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
581	Nút cao su trắng số 8 (φ = 33,5 → 37,5 → 42 cm)		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab	Đường kính dưới 33* Đường Kính trên 41* Chiều cao 30mm	Cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
582	Buret trắng khóa PTFE 25ml	BLS.1800.10	Biohall	2024	Ấn Độ	Biohall		Cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
583	Bình định mức 50 ml	013.01.051	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 50 ml Class A. Dung sai ±-0.06ml	Cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
584	Bình định mức 100 ml	013.01.101	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 100 ml Class A . Dung Sai + - 0,1 ml	Cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
585	Bình định mức 500 ml	013.01.500	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 500 ml Class A . Dung sai +- 0.25 ml	Cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
586	Bình định mức 1000 ml	013.01.901	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 1000 ml Class A . Dung sai +-0,4 ml	Cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
587	Pipet vạch 5 ml	021.01.005	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh , khắc vạch Dung tích: 5 ml . Dung sai +-0.03 ml	cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
588	Pipet vạch 10 ml	021.01.010	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh , khắc vạch Dung tích: 10 ml . Dung Sai +-0.05 ml	cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
589	Pipet bầu 5 ml	021.05.005	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh . Ống dạng bầu Dung tích: 5 ml . Dung Sai +-0.015 ml	Cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
590	Pipet bầu 10 ml	021.05.010	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh . Ống Dạng Bầu Dung tích: 10 ml . Dung sai +-0.02 ml	cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
591	Bình định mức 500 ml		ONELAB	2024	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 500 ml Class A	Cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
592	Bình định mức 1000 ml		ONELAB	2024	Trung Quốc	ONELAB	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 1000 ml Class A	Cái	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
593	Găng tay bảo hộ sợi len độ bám tốt T106, Loại 40g		Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Đôi	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
594	Giấy lọc f18 cm	102-180	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Cellulose Màu: Trắng Kích thước: Ø180mm	Hộp 100 Tờ	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
595	Giấy lọc f18 cm	101-180	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Cellulose Màu: Trắng Kích thước: Ø180 mm	Hộp 100 Tờ	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
596	Khăn lau bàn ghế 30×30 (cm)	KHAN30V	Saigon Coop	2024	Việt Nam	Saigon Coop	Vật liệu: Sợi cotton Kích thước: 30 x 30 cm Thấm hút tốt	Kg	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
597	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đỏ	BN- ĐO	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		hộp	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
598	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đen	BN- ĐE	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		hộp	1	CHE10018 -CLC- TT HVC2
599	SnCl2.2H2O		GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH H		Chai/ 500g	2	CHE10015 -CLC-TT HPT1
600	AgNO3	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	5	CHE10015 -CLC-TT HPT1
601	CH3COONa khan	127-09-3	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99%	Chai 500g	10	CHE10015 -CLC-TT HPT1
602	Na2S (9H2O)		Trung Quốc	2023	Trung Quốc	Trung Quốc		Chai 500g	2	CHE10015 -CLC-TT HPT1
603	NH3	1336-21-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 25-28%	Chai 500 ml	10	CHE10015 -CLC-TT HPT1
604	H2O2	7722-84-1	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 30%	Chai 500mL	5	CHE10015 -CLC-TT HPT1
605	CH3COOH (Acid AcetiC)	64-19-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai/500mL	5	CHE10015 -CLC-TT HPT1
606	Ca nhựa PE pha hóa chất có tay cầm dạng cao 5L (Cốc nhựa có quai PP 5000ml)		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab		Cái	2	CHE10015 -CLC-TT HPT1
607	Bình định mức 100 mL	013.01.101	Isolab	2023	Đức	Isolab	Vật liệu: Thủy tinh Boro 3.3, nút nhựa Dung tích: 100 ml Class A . Dung Sai + - 0,1 ml	Cái	7	CHE10015 -CLC-TT HPT1
608	Băng keo trong		Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		cuộn	5	CHE10015 -CLC-TT HPT1

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
609	H ₂ SO ₄ (can 39 kg) (kĩ thuật)	7664-93-9 - CN	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 98%	39kg/ can	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
610	HCl (can 30kg) Kĩ Thuật	7647-01-0- CN- CAN	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 32%	can 30kg	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
611	NH ₃ (can 30kg) Kĩ thuật	1336-21-6 - CN	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 22%	can 30kg	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
612	Cồn 96o (can 30L)	64-17-5 -CN	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 96%	Can 30L	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
613	Đá vôi					Việt Nam		Khối/ 100kg	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
614	ZnO	1314-13-2	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99%	Chai 500g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
615	KOH	1.01763.028	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 85 %	chai 500 g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
616	CH ₃ COOH (PA)	64-19-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai/500mL	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
617	EDTA (PA)	6381-92-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99 %	Chai 250g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
618	CH ₃ COONa (PA)	127-09-3	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99%	Chai 500g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
619	Chi thị Xylenol Cam		Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		Chai 5g	2	CHE10017 -CLC-TT HVC1
620	ZnSO ₄	7446-20-0	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai 500g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
621	BaCl ₂	10326-27-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		chai 500g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
622	NH ₄ Cl	12125-02-9	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai 500g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
623	NaCl (PA)	101307040	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Độ tinh khiết (NaCl): ≥ 99,5%	Chai/500 g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
624	NaHCO ₃	144-55-8	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai 500g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
625	CaCl ₂	10043-52-4	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 96%	Chai 500g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
626	HNO ₃ (PA)	114003528	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng Độ 65%	Chai 500 mL	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
627	MgSO ₄	MgSO ₄ .7H ₂ O	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		Chai 500g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
628	CuSo ₄	1.09025.016	GHTECH	2023	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 99%	Chai 500g	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
629	NaOH	101394058	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Độ tinh khiết:96 %	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
630	AlCl3	7784-13-6	Xi long	2022	Trung Quốc	Xi long	Nồng Độ 98 - 100,5%	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
631	SnCl4	SnCl4.5H2O	TQ		Trung Quốc			Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
632	Na2CO3	497-19-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/500 g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
633	Pb(CH3COO)2		Trung Quốc		Trung Quốc			Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
634	Pb(NO3)2		Trung Quốc		Trung Quốc			Chai/ 500g	2	CHE10017-CLC-TT HVC1
635	Zn kim loại	7440-66-6	Xi Long	2022	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng Độ 99 %	Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
636	Sn Kim loại	1.05302.020	GHTECH	2018	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng Độ 99,5 %	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
637	Na2S2O3	10102-17-7	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99%	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
638	KBr	7758-02-3	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99 %	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
639	FeCl3	10025-77-1	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xi Long		Chai/500 g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
640	KMnO4		Đức Giang	2024	Việt Nam	Đức Giang		Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
641	Na2SO3	7757-83-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 97 %	Chai 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
642	H2O2 30% (PA)	7722-84-1	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 30%	Chai 500mL	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
643	Cr(NO3)3		TQ					Chai/ 500g	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
644	Acid oxalic		Trung Quốc		Trung Quốc	Trung Quốc		Bao 25kg	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
645	Ethanol (PA)	64-17-5	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99.5%	Chai/ 500ml	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
646	Găng tay bảo hộ sợi len độ bám tốt T106, Loại 40g		Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		Đôi	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
647	Giấy lọc f18 cm	102-180	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Newstar	Vật liệu: Cellulose Màu: Trắng Kích thước: Ø180mm	Hộp 100 Tờ	1	CHE10017-CLC-TT HVC1
648	Giấy lọc f18 cm	101-180	Trung Quốc	2024	Trung	Newstar	Vật liệu:	Hộp 100 Tờ	1	CHE10017

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
					Quốc		Cellulose Màu: Trắng Kích thước: Ø180 mm			-CLC-TT HVC1
649	Khăn lau bàn ghế 30×30 (cm)	KHAN30V	Saigon Coop	2024	Việt Nam	Saigon Coop	Vật liệu: Sợi cotton Kích thước: 30 x 30 cm Thấm hút tốt	Kg	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
650	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đỏ	BN- ĐO	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		hộp	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
651	Hộp 12 Bút nước Deli 6600S nét 0.5mm- màu đen	BN- ĐE	Việt Nam	2024	Việt Nam	Việt Nam		hộp	1	CHE10017 -CLC-TT HVC1
652	Anhydride acetic	A/0480/PB1 7	Fisher	2023	Mỹ	Fisher		c/ 2.5L	1	CHE00081 -CLC-TH HĐC1
653	Hexan	C6H14	Chemsol	2024	Việt Nam	Vina chem	Độ tinh khiết ≥ 95 %	Chai/500 ml	5	CHE00081 -CLC-TH HĐC1
654	Toluen		Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99,5%	Chai/ 500ml	5	CHE00081 -CLC-TH HĐC1
655	Cyclohexen (C ₆ H ₁₀)	8028240500	Merck	2023	Đức	Merck		Chai/ 500ml	2	CHE00081 -CLC-TH HĐC1
656	Isopropyl alcohol (IPA) 99%	67-63-0	Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ tinh khiết 99,5 %	Chai/ 500ml	5	CHE00081 -CLC-TH HĐC1
657	Ethanol Công nghiệp	64-17-5 -CN	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 96%	Can 30L	1	CHE00081 -CLC-TH HĐC1
658	Cu bột	7440-50-8	Xi Long	2023	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 99,5%	Chai/ 500g	3	CHE00081 -CLC-TH HĐC1
659	H2O2	7722-84-1	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 30%	Chai 500mL	5	CHE00081 -CLC-TH HĐC1
660	AgNO3	7761-88-8	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	5	CHE00081 -CLC-TH HĐC1
661	Hexane		VWR						2	CHEM100 13- CLC_TTH L1
662	Acetone		Fisher						5	CHEM100 13- CLC_TTH L1
663	Xylene		Prolabo						2	CHEM100 13- CLC_TTH L1
664	Điện cực đo độ dẫn Horiba 9382-10D	9382-10D	Horiba	2023	Nhật	Horiba		cái	2	CHEM100 13- CLC_TTH L1
665	NaCl	101307040	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTECH	Độ tinh khiết (NaCl): ≥	Chai/500 g	0	CHE10011 -CLC-TT

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
							99,5%			HHC1
666	Bảng mỏng TLC pha thường	1055540001	Merck	2024	Đức	Merck	Tấm nhôm TLC, phủ silica gel với chất chỉ thị huỳnh quang F254. Các bản TLC silica gel số lượng 25 kích thước 20x20 cm dùng cho các ứng dụng sắc ký lớp mỏng.	Hộp/25 tờ	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1
667	Hexane	C6H14	Chemsol	2024	Việt Nam	Vina chem	Độ tinh khiết $\geq 95\%$	Chai/500 ml	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1
668	Toluene		Chemsol	2024	Việt Nam	Chemsol	Nồng độ 99,5%	Chai/ 500ml	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1
669	NaOH	101394058	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Độ tinh khiết: 96 %	Chai 500g	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1
670	Cồn CN 96	64-17-5 -CN	Việt Nam	2025	Việt Nam	Việt Nam	Nồng độ 96%	Can 30L	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1
671	Acid acetic	64-19-7	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	Chai/ 500ml	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1
672	Na2SO4	101509010	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng Độ 99%	Chai/ 500g	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1
673	Acetone CN	67-64-1 - CN	Trung Quốc	2024	Trung Quốc	Trung Quốc	Nồng độ 99%	Can 30L	3	CHE10011 -CLC-TT HHC1
674	Toluene	108-88-3	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 99,5%. Hàm lượng SO4 $\leq 0,0005\%$	Chai/ 500ml	10	CHE10011 -CLC-TT HHC1
675	Acid oxalic		Xi Long		Trung Quốc	Xi Long		Chai/ 500g	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1
676	Acid benzoic		Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		Chai/ 250g	5	CHE10011 -CLC-TT HHC1
677	Bình cầu 250 ml đáy tròn, nhám 24/29	BLS.1209.18	Biohall	2024	Ấn	Biohall		Cái	0	CHE10011 -CLC-TT HHC1
678	Silica gel 230 - 400 mesh (37 - 63 mm)	GRM7484	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia	Dạng vật lý: Bột màu trắng Độ hòa tan: Không hòa tan trong nước Kích thước hạt 1: tối thiểu. 80.0% đi qua 230 mesh (63 μm) Kích thước hạt 2: tối đa.	Chai 500 g	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
							20.0% đi qua 400 mesh (37 µm)			
679	Silica gel 60 - 200 mesh	GRM7478	Himedia	2024	Ấn độ	Himedia	- Dạng bột hoặc hạt tròn, màu trắng - Độ hòa tan: Không hòa tan trong nước - pH (huyền phù nước 10% ở 25 °C): 6,50 - 7,50 - Kích thước hạt 1: ≤ 80,00% đi qua 60 lưới (250 µm) - Kích thước hạt 2: ≥ 20,00% đi qua 200 lưới (74 µm)	500g/chai	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
680	Cột sắc ký khóa teflon đỏ, đường kính trong 1.5 cm, dài 30 cm					Việt Nam GC		Cái	0	CHE10011-CLC-TT HHC1
681	Parafin lỏng	8042-47-5	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Tỷ trọng 0,835-0,860	Chai 500ml	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
682	Đầu bóp silicon 2 ml cho ống nhỏ giọt (màu trắng)		ONELAB	2023	Trung Quốc	ONELAB		Cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
683	Bình cầu 1 cổ đáy tròn chịu nhiệt 100 ml, nhám 14/23	BLS.1209.09	Biohall	2024	Ấn	Biohall		Cái	8	CHE10011-CLC-TT HHC1
684	Nhiệt kế 200 độ C		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab		Cái	4	CHE10011-CLC-TT HHC1
685	Muỗng inox 2 đầu tròn 200mm		Onelab	2024	Trung Quốc	Onelab	Chiều dài 20 cm	cái	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
686	1-Naphthol	GRM1392	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/ 100g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
687	2-Naphthol	GRM1292	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/ 500g	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
688	Acetanilide	GRM1865	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/ 500g	2	CHE10011-CLC-TT HHC1
689	Benzamide	GRM1345	Himedia	2024	Ấn Độ	Himedia		Chai/ 500g	0	CHE10011-CLC-TT HHC1
690	Salicylic acid		Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long		Chai/ 250g	4	CHE10011-CLC-TT HHC1
691	HCl	7647-01-0	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 36-37%	Chai/500mL	1	CHE10011-CLC-TT HHC1
692	KOH	1.01763.028	GHTECH	2024	Trung		Nồng độ 85 %	chai 500 g	2	CHE10011

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Mã thực tập
					Quốc	GHTEC H				-CLC-TT HHC1
693	H3PO4	7664-38-2	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xi Long	Nồng độ 85%	chai 500ml	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1
694	isopropanol	117029023	GHTECH	2024	Trung Quốc	GHTEC H	Nồng độ 99.7%	Chai 500ml	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1
695	Hexane CN (phuy)	110-54-3 - CN- T	Thái Lan	2024	Thái Lan	Thái Lan		138 kg/phuy	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1
696	Ethyl acetate CN (phuy)	141-78-6	Trung Quốc	2023	Trung Quốc	Trung Quốc	Nồng độ 99.95%	180 kg/phuy	1	CHE10011 -CLC-TT HHC1

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1.													
2.													

Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá:
- Thời gian giao hàng:
- Điều khoản thanh toán:
- Điều khoản bảo hành